

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HINH
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2017/DS-ST
Ngày: 21/9/2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Châu Kha;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ksor Y Kur và bà Bùi Thị Lùng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2017 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐXX-ST ngày 07/9/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Đồng Phú, xã Đức Bình Tây, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn An Hòa, xã Đức Bình Tây, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn An Hòa, xã Đức Bình Tây, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên (chồng chị Nguyễn Thị Kim C). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2017, tài liệu có tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trà M trình bày:

Ngày 28/9/2016 (âm lịch) chị Nguyễn Thị Kim C có mượn chị M số tiền 30.000.000 đồng, ngày 18/10/2016 (âm lịch) chị C mượn tiếp 40.000.000 đồng, tổng cộng là 70.000.000 đồng và hẹn 10 ngày sau sẽ trả đủ. Việc mượn tiền này chỉ có chị C ký nhưng anh H cũng biết và được chị C ghi tên anh H trong giấy mượn tiền. Hiện nay, chị C anh H đã trả được tổng cộng 33.000.000 đồng còn lại 37.000.000 đồng chị M có đòi nhiều lần nhưng không trả. Trong quá trình

hòa giải tại Tòa, chị C anh H thống nhất trả nợ thì chị M chỉ yêu cầu trả 33.180.000 đồng, mục đích chị M không muốn đi lại đến Tòa nhiều lần.

* Theo các tài liệu có tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa bị đơn chị C trình bày:

Chị C có vay tiền chị M 150.000.000 đồng và đã trả dần còn 37.000.000 đồng nhưng số tiền này chị M chỉ trừ tiền phân 3.000.000 đồng trong khi chị M lấy phân của chị C gồm: 8 bao phân URÊ (giá 450.000 đồng/bao) và 8 bao phân TE mía 1 (giá 590.000 đồng/bao), tổng giá trị là 8.320.000 đồng. Chị C đề nghị chị M trừ tiền phân bón ra còn bao nhiêu chị C sẽ trả.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H trình bày:

Việc chị M yêu cầu chúng tôi trả số tiền 37.000.000 đồng, tôi không có ý kiến gì nhưng chị M phải trừ số tiền phân bón mà vợ chồng chị M đã lấy của vợ chồng tôi để trừ nợ số tiền phân giá trị 8.320.000 đồng như vợ tôi trình bày.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Trà M khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim C trú tại: Thôn An Hòa, xã Đức Bình Tây, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên trả nợ tiền là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Sông Hinh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS 2015).

[2] Luật điều chỉnh quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản được thụ lý giải quyết trong vụ án là giao dịch dân sự được thực hiện xong trước khi Bộ luật dân sự năm 2015 (BLDS 2015) có hiệu lực. Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 688 BLDS 2015 thì pháp luật áp dụng để giải quyết là Bộ luật Dân sự năm 2005 (BLDS 2005) và các văn bản hướng dẫn áp dụng quy định BLDS 2005.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng của anh Nguyễn Văn H: Mặc dù trong hai giấy mượn tiền ngày 28/9/2016 (âm lịch) tại bút lục số 11 và ngày 18/10/2016 (âm lịch) tại bút lục số 10, anh H không ký tên. Tuy nhiên, chị C tự viết: “*Hôm nay 18/10 (ÂL) C - H mượn M - T 40.000.000 đồng*” và “*Hôm nay 28/9/2016 (ÂL) cô C - H có mượn của vợ chồng T – M với số tiền 30.000.000 đồng*” và trong quá trình hòa giải tại biên bản hòa giải ngày 21/6/2017 chị C có gọi điện cho anh H để hỏi ý kiến về việc trả nợ; tại phiên tòa anh H cũng thừa nhận chị C có vay tiền của chị M và yêu cầu trừ tiền phân ra còn lại bao nhiêu thì vợ chồng chị C anh H cùng thống nhất trả nợ nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định anh H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trà M:

Chị M khởi kiện yêu cầu chị C trả số tiền 37.000.000 đồng. Căn cứ hai giấy mượn tiền do chị C tự viết ngày 28/9/2016 (âm lịch) tại bút lục 11 và ngày 18/10 (âm lịch) tại bút lục số 10 chị C có ký nhận tiền của chị M 2 lần tổng cộng 70.000.000 đồng là có thật. Sau đó, chị C có trả nhiều lần tổng cộng là 33.000.000 đồng cho chị M còn nợ lại 37.000.000 đồng nên yêu cầu chị C phải trả số tiền 37.000.000 đồng cho chị M.

Tại tòa chị C anh H thừa nhận có nợ chị M số tiền 37.000.000 đồng và cho rằng chị M đã lấy phân để trừ nợ gồm: 8 bao phân URÊ (giá 450.000 đồng/bao) và 8 bao phân TE mía 1 (giá 590.000 đồng/bao), tổng giá trị là 8.320.000 đồng; số tiền này chị M chỉ trừ 3.000.000 đồng còn 5.320.000 đồng chưa trừ nên đề nghị Tòa xem xét. Chị M cũng thừa nhận có lấy phân bón của chị C để trừ nợ bao gồm 2 loại: phân URÊ và phân TE mía 1, nhưng không chứng minh được là lấy số lượng và số tiền cụ thể là bao nhiêu và cũng không có ý kiến gì về giá 450.000 đồng/bao phân URÊ và 590.000 đồng/bao phân TE mía 1 mà chị C anh H đưa ra.

Xét thấy chị C anh H nợ chị M số tiền 37.000.000 đồng là có thật và được các bên thừa nhận. Tuy nhiên, chị M đã lấy phân bón của vợ chồng chị C anh H để trừ nợ tổng giá trị là 8.320.000 đồng, nhưng chỉ trừ 3.000.000 đồng còn lại 5.320.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị M với số tiền $(37.000.000 \text{ đồng} - 5.320.000 \text{ đồng}) = 31.680.000 \text{ đồng}$. Đồng thời, bác một phần yêu cầu khởi kiện của chị M về số tiền $(37.000.000 \text{ đồng} - 31.680.000 \text{ đồng}) = 5.320.000 \text{ đồng}$.

[5] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ tiền được Tòa án chấp nhận một phần nên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật đối với số tiền 31.680.000 đồng; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 5.320.000 đồng vì không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 290, 298, 471, 474 BLDS 2005, Điều 147 BLTTDS 2015, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trà M, theo đó buộc chị Nguyễn Thị Kim C và anh Nguyễn Văn H phải liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Trà M số tiền 31.680.000 đồng (Ba mươi một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trà M, theo đó bác yêu cầu khởi kiện với số tiền 5.320.000 đồng (Năm triệu ba trăm

hai mươi nghìn đồng) vì không có căn cứ trả nợ.

*** Về án phí:**

- Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Nguyễn Văn H phải chịu 1.584.000 đồng (Một triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

- Chị Nguyễn Thị Trà M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tạm ứng án phí chị M đã nộp tại biên lai thu số 0004232 ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Do vậy, chị M được nhận lại 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

- Khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện Sông Hinh;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

BÙI CHÂU KHA

